

**TÒA ÁNNHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày 29-01-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Đình Dũng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Phan Thị Thanh Dung**

Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Tư Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trọng Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Huỳnh Đức T**, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1991 tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố Đ T, phường T Th, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Đức N, sinh năm 1960 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1970;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2020 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa

*Bị hại:* Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam;

Địa chỉ: số 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1970; vắng mặt

Ông **Huỳnh Đức N**, sinh năm 1960; vắng mặt

Cùng địa chỉ: khối phố Đ T, phường T Th, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

- Ông **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1965; vắng mặt

Địa chỉ: số 27 đường Lê Vĩnh Khang, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

- Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1972; vắng mặt

Địa chỉ: thôn Ngọc Bích, xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2011, Huỳnh Đức T cần tiền để làm ăn kinh doanh nhưng gia đình khó khăn, không vay mượn được. Bản thân T không có tài sản để thế chấp ngân hàng nên mới nhớ là khi ông nội là Huỳnh Lạc chết (ngày 15/5/2009) và bà nội là bà Nguyễn Thị Hồng chết (ngày 13/7/2006) có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0301010184 cho cha của T là ông Huỳnh N cất giữ nên nảy sinh ý định làm thủ tục sang tên cho T để đi vay tiền. Qua giới thiệu của một số người quen biết, T tìm gặp một người phụ nữ tên Liên (chưa rõ lai lịch) nhờ bà Liên làm giúp các thủ tục chuyển nhượng mảnh đất này sang tên mình. Khi gặp nhau tại một quán café trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam, T đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Liên xem rồi hai bên trao đổi thống nhất bà Liên làm thủ tục chuyển quyền sử dụng qua cho T với giá 10.000.000 đồng và T đồng ý.

Tháng 02 năm 2011, bà Liên đến Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam (thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam) yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 82, diện tích 565,2 m<sup>2</sup> tại phường T Th, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0301010184 ngày 30 tháng 6 năm 2004 (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) bên tặng cho là ông Huỳnh Lạc và bà Nguyễn Thị Hồng với bên được tặng là Huỳnh Đức T. Ông Nguyễn Đức B thời điểm đó là Trưởng Phòng công chứng số 1 tiếp nhận giải quyết. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ông B được một người phụ nữ đưa đến gặp bà Vũ Thị Hồng và một người đàn ông chưa xác định được lai lịch và giới thiệu đây là bà Nguyễn Thị Hồng và ông Huỳnh Lạc. Ông B thực hiện công tác kiểm tra giấy chứng minh nhân dân, sau đó lặn dấu vân tay hai người vào mục người tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 84 và tờ bản đồ số 82 trên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2011, Huỳnh Đức T đến Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam để thực hiện ký tên ở mục nhận tặng cho quyền sử dụng đất trong hợp đồng mà ông B đã lặn dấu vân tay từ trước đó. Khi ký tên, dù biết rõ là ông Huỳnh Lạc và bà Nguyễn Thị Hồng đã chết không để lại di chúc, không thể lặn tay vào Hợp đồng tặng cho tài sản được, Hợp đồng tặng cho trên là giả nhưng T vẫn ký vào Hợp đồng ở mục người được tặng cho để chuyển quyền cho T có tài sản đi vay tiền. Thời điểm T đến phòng Công chứng thì ông B đi công tác, ông B có điện báo và chỉ đạo cho ông Nguyễn Ngọc D là Công chứng viên của Phòng công chứng ký lời chứng thực của Công chứng viên vào sau hợp đồng. Sau đó, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam) đã thực hiện việc chỉnh lý chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất từ ông Huỳnh Lạc và bà Nguyễn Thị Hồng sang cho Huỳnh Đức T vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0301010184.

Sau đi nhận chuyển quyền sử dụng đất, ngày 17 tháng 3 năm 2011 T đến Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng

Nam - Phòng giao dịch Chu Lai ký kết hợp đồng tín dụng số 01/HĐ-2011 để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất T được nhận chuyển quyền từ ông bà nội (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐTC ngày 15/3/2011) người thừa kế trả nợ là bà Võ Thị Đ mẹ của T. Sau khi ký kết hợp đồng T đã được ngân hàng giải ngân đủ số tiền 100.000.000 đồng và T đã lấy 10.000.000 đồng trả cho bà Liên theo thỏa thuận, lấy 20.000.000 đồng để lấy chiếc xe đã cầm trước đó trong tiệm cầm đồ. Số tiền 70.000.000 đồng còn lại T sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Đến ngày 03/7/2012, do Huỳnh Đức T không thanh toán tiền gốc và lãi nên Ngân hàng BIDV Chi nhánh Quảng Nam đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam để giải quyết.

Ngày 06/8/2012, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” số 65/TTST-DS đến ngày 16/8/2012 ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 63B/2012/QĐST-DS. Tuy nhiên, sau đó Huỳnh Đức T và bà Đ đã không thực hiện việc trả nợ nên phía ngân hàng yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam đã tiến hành xác minh, kê biên tài sản thế chấp để thi hành án thì phát hiện có gian dối trong việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên đã có Công văn số 385 đề nghị Viện trưởng Viện KSND cấp cao và Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định số 63B/2012/QĐST-DS ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ. Ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng có Quyết định tái thẩm số 113/2017/DT-TT hủy toàn bộ Quyết định số 63B/2012/QĐST-DS ngày 16/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xét xử lại với lý do: “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 82, diện tích 565,2 m<sup>2</sup> tại phường T Th, thành phố Tam Kỳ đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận ngày 30/9/2004 giữa bên tặng cho là ông Huỳnh Lạc, bà Nguyễn Thị Hồng với bên được tặng cho là Huỳnh Đức T thực hiện ngày 17/02/2011 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam là giả mạo, không hợp pháp vì người đứng tên trong giấy chứng nhận nói trên là ông Lạc, bà Hồng đều đã chết trước ngày giao kết hợp đồng”.

Sau khi thụ lý lại vụ án dân sự Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thấy Huỳnh Đức T có hành vi làm giả giấy tờ, chữ ký của người khác để sang tên chuyển quyền sử dụng đất rồi đi vay tiền của ngân hàng là có dấu hiệu hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chuyển tin báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành thụ lý. Quá trình giải quyết Huỳnh Đức T đã khai nhận hành vi làm giả hồ sơ để chuyển quyền sử dụng đất và tài sản sang cho T rồi đem đi thế chấp vay tiền ngân hàng tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam quyết định truy tố bị can Huỳnh Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2

điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho ông Huỳnh Đức N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0301010184 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30 tháng 6 năm 2004;

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, đã bãi nại và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo để làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo gây ra đối chiếu với kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Hội đồng xét xử thấy: Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên vào tháng 02 năm 2011, Huỳnh Đức T đã dùng thủ đoạn gian dối, giả mạo trong việc lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Huỳnh Lạc và bà Nguyễn Thị Hồng sang cho T. T biết rõ thửa đất số 84, tờ bản đồ số 82, diện tích 565,2m<sup>2</sup> tại phường T Th, thành phố Tam Kỳ không phải của T nhưng sau khi làm giả thủ tục chuyển nhượng thì đã chỉnh lý sang tên T nên đã dùng làm tài sản thế chấp, vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sử dụng vào mục đích cá nhân và không có khả năng chi trả.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi đưa thông tin giả và lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản với giá trị 100.000.000 đồng của Huỳnh Đức T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản với giá trị là 100.000.000đ, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật;

[3] Xét tính chất vụ án và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: tài sản hợp pháp của cá nhân, pháp nhân đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo T có đủ

năng lực hành vi để nhận biết điều đó nhưng do muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên đã thực hiện hành vi gian dối, giả mạo để chuyển quyền sử dụng đất của người khác sang cho T rồi đem đi thế chấp cho bị hại để vay tiền và chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác. Như vậy trong vụ án này lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã bồi thường, khắc phục hậu quả gây ra, đã được bị hại bãi nại. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cách đây đã lâu. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật;

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì hiện nay bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[7] Về xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0301010184 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30 tháng 6 năm 2004 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ là tài sản do ông Huỳnh Lạc và bà Nguyễn Thị Hồng khi chết để lại cho ông Huỳnh Đức N quản lý nên trả lại cho ông N theo quy định tại điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

[8] Đối với ông N, bà Đ, ông B và ông D không biết việc bị cáo thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[9] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Khoản 1 mục 1 danh mục án phí lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 65 Bộ luật hình sự; Các điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng

hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 1 mục 1 danh mục án phí lệ phí Tòa án;

**Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức T 24** (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là **48** (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T Th, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại điều 93 Luật thi hành án hình sự.

**Về xử lý vật chứng:** trả lại cho ông Huỳnh Đức N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0301010184 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30 tháng 6 năm 2004 hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

**Về án phí:** Buộc bị cáo Huỳnh Đức T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Đình Dũng**